

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19- 05- 2023.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Từ Anh Tuấn;

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố D tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/05/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị N, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Đình Đ tự tìm hiểu yêu thương nhau sau đó đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 11/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn năm 2004, vợ chồng sống tại thành phố D (huyện D cũ) và hạnh phúc được thời gian đầu, sau xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông Đ thường xuyên uống rượu, về nhà lớn tiếng với vợ con và có lời lẽ hăm dọa; vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện

nhưng không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn ngày càng nặng nề, trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà N yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hải T, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Lê Quang V, sinh ngày 12/3/2014. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Đình Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Đình Đ:* Thống nhất với phần trình bày của bà Lê Thị N về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn và thời gian chung sống nhưng không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, theo ông Đ vợ chồng chung sống thì cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn chính của vợ chồng là bất đồng quan điểm sống và vấn đề kinh doanh, nhưng không đến mức phải ly hôn. Ông Đ xác định vẫn còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Tuy nhiên bà N cương quyết ly hôn ông đề nghị Tòa án xem xét;

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị N, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hải T, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Lê Quang V, sinh ngày 12/3/2014; đồng ý giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; khi nào bà N không đủ điều kiện thì giao lại 02 con chung cho ông nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 19/4/2023 tại Hội Liên phụ nữ phường A, không nhận được thông báo về mâu thuẫn vợ chồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, bà N làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ chấp nhận. Về con chung, vợ chồng 02 con chung tên Nguyễn Lê Hải T, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Lê Quang V, sinh ngày 12/3/2014. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông Nguyễn Đình Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Lê Thị N, bị đơn ông Nguyễn Đình Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bà N và ông Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị N, bị đơn ông Nguyễn Đình Đ có Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 11/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị N*: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Đình Đ, có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc bị đơn không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[4] *Về con chung*, vợ chồng 02 con chung tên Nguyễn Lê Hải T, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Lê Quang V, sinh ngày 12/3/2014. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Đình Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung; ông Đ đồng ý giao 02 con chung cho bà N và không thực hiện nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà N và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm, cấp dưỡng nuôi con*: Bà N phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con của nguyên đơn bà Lê Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn Đình Đ.*

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Đình Đ (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 11/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, cấp).

1.2 Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung tên Nguyễn Lê Hải T, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Lê Quang V, sinh ngày 12/3/2014 cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Đình Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Sau khi ly hôn bà Lê Thị N, ông Nguyễn Đình Đ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bà N phải tạo điều kiện cho ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. *Về án phí:* Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0006128 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND TP D (1);
- CC THADS TP D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND x T, h Nông Cống, TH (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân